TỪ THỰC TIỄN VIỆT NAM ĐẾN CHUẨN MỰC IFRS: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

ThS. Chúc Kim Toàn*

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang phát triển và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, thị trường tài chính cũng có bước phát triển mạnh mẽ đáng ghi nhận. Cùng với nhu cầu của các doanh nghiệp trên thị trường tài chính Việt Nam, các giao dịch về công cụ tài chính ngày càng sôi động, cung cấp cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư nhiều lựa chọn trong việc tìm kiếm lợi nhuận và phòng ngừa rủi ro. Áp dụng nhóm chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về công cụ tài chính tại Việt Nam mang lại cho chúng ta nhiều cơ hội trong việc mở rộng hợp tác kinh tế với các nước trên thế giới, phù hợp thông lệ kế toán quốc tế.

• Từ khóa: *IFRS; kế toán; công cụ tài chính; kế toán phái sinh.*

Vietnam's economy is undergoing rapid development and deep integration into the global economy. In this context, the financial market has also experienced significant growth. Along with the increasing demand of enterprises in the Vietnamese financial market, transactions involving financial instruments have become more active, providing businesses and investors with various opportunities for profit generation and risk hedging. The adoption of International Financial Reporting Standards (IFRS) on financial instruments in Vietnam offers considerable opportunities to expand economic cooperation with countries around the world and to align the national accounting system with international accounting practices. Therefore, the implementation of IFRS contributes to enhancing the transparency, comparability, and reliability of financial information, thereby supporting the sustainable development of Vietnam's financial market.

• Key words: *IFRS; accounting; financial instruments; derivative accounting.*

Ngày nhận bài: 31/3/2026
Ngày gửi phản biện: 19/5/2026
Ngày duyệt đăng: 03/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.25

1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy mạnh mẽ của toàn cầu hóa, vốn, hàng hóa và dịch vụ vượt qua biên giới với tốc độ chưa từng có. Cơ hội mở ra cho doanh nghiệp nhiều như sóng biển, nhưng cùng lúc những biến động về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa hay dòng vốn quốc tế cũng dâng lên như những ngọn gió bất trắc. Vì thế, quản trị rủi ro trở thành chiếc neo cần thiết, và các công cụ tài chính phái sinh ngày càng được doanh nghiệp coi trọng như một phương tiện phòng vệ hiện đại.

Ở Việt Nam, thị trường chứng khoán phái sinh đã từng bước hình thành, làm phong phú thêm kênh đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro. Tuy vậy, hệ thống kế toán liên quan đến công cụ tài chính phái sinh vẫn chưa phát triển tương xứng. Các chuẩn mực kế toán hiện hành còn thiếu quy định chuyên biệt về giá trị hợp lý và đặc thù của các công cụ này, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong áp dụng thực tế.

Nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới đã khẳng định vai trò của công cụ phái sinh trong việc giảm thiểu rủi ro kinh doanh, ổn định thu nhập, hạ chi phí vốn và góp phần nâng cao giá trị doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán các công cụ tài chính phái sinh giữ sứ mệnh cung cấp thông tin trung thực, minh bạch - nền tảng để các quyết định kinh tế được đưa ra một cách sáng suốt.

2. Các phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai dựa trên hai phương pháp chủ đạo: phân tích - tổng hợp lý thuyết và phân loại - hệ thống hóa tài liệu.

Trước hết, phương pháp phân tích và tổng hợp được vận dụng để thu thập và nghiên cứu các nguồn tư liệu như sách, giáo trình, công trình khoa học, văn bản pháp luật và chuẩn mực kế toán.

** Trường Đại học Công đoàn; email: toanck@dhcd.edu.vn*

Tiếp đó, việc phân loại và hệ thống hóa giúp sắp xếp tài liệu theo nhóm chủ đề, làm nổi bật các vấn đề có tính tương đồng.

Sự kết hợp hài hòa hai phương pháp tạo nên nền tảng khoa học vững chắc, bảo đảm tính khách quan, toàn diện và độ tin cậy cho những kết luận và kiến nghị của bài viết.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tổng quan về kế toán công cụ tài chính phái sinh

3.1.1. Các khái niệm có liên quan

Giá trị hợp lý giữ vai trò then chốt trong kế toán hiện đại, đặc biệt với các công cụ tài chính và công cụ phái sinh. Theo IFRS 13, giá trị hợp lý được hiểu là mức giá có thể thu được khi bán tài sản hoặc chuyển giao nghĩa vụ trong một giao dịch có trật tự giữa các chủ thể am hiểu thị trường tại thời điểm định giá. Quan điểm này nhấn mạnh tính khách quan của giá thị trường và sự tự nguyện của các bên giao dịch.

Ở Việt Nam, Luật Kế toán năm 2015 và Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng xác định giá trị hợp lý là mức giá phản ánh đúng thị trường, tại đó tài sản có thể trao đổi hoặc nghĩa vụ được thanh toán giữa các bên sẵn sàng giao dịch. Tuy nhiên, các quy định hiện hành chưa đề cập đầy đủ đến khái niệm thị trường chính hay thị trường thuận lợi nhất như trong IFRS 13, khiến việc áp dụng vào đánh giá công cụ tài chính còn gặp nhiều trở ngại so với thông lệ quốc tế.

Công cụ tài chính. Theo IAS 32, công cụ tài chính là hợp đồng làm phát sinh tài sản tài chính của một đơn vị và đồng thời hình thành nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác. Tại Việt Nam, Thông tư 210/2009/TT-BTC đã đưa ra các quy định tương đối tương đồng, tạo nền tảng tiếp cận dần với chuẩn mực quốc tế.

Công cụ tài chính phái sinh. IAS 39 và IFRS 9 xác định công cụ phái sinh khi thỏa mãn ba điều kiện: (1) Giá trị thay đổi theo biến động của một biến số cơ sở như lãi suất, tỷ giá, giá hàng hóa hoặc chỉ số tài chính; (2) Không đòi hỏi khoản đầu tư ban đầu hoặc chỉ cần khoản đầu tư rất nhỏ so với các hợp đồng phản ứng tương tự; (3) Được thanh toán trong tương lai.

Từ đó, có thể hiểu công cụ phái sinh là những công cụ có giá trị phụ thuộc tài sản cơ sở, được sử dụng để phòng ngừa rủi ro, đầu cơ hoặc kinh doanh chênh lệch giá.

Kế toán công cụ tài chính phái sinh là quá trình ghi nhận, đo lường và cung cấp thông tin bằng giá trị tiền tệ về các công cụ này. Mục tiêu là phản ánh trung thực giá trị, biến động và rủi ro liên quan, giúp người sử dụng báo cáo tài chính có cái nhìn sáng rõ về tình hình doanh nghiệp. Theo thông lệ quốc tế, kế toán công cụ phái sinh bao gồm phân loại; đo lường giá trị hợp lý; ghi nhận ban đầu và sau ghi nhận; hạch toán lãi - lỗ; kế toán phòng ngừa rủi ro; và trình bày, thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Các loại hợp đồng công cụ tài chính phái sinh

Hợp đồng kỳ hạn. Đây là thỏa thuận ràng buộc giữa hai bên về việc mua bán tài sản với mức giá xác định tại thời điểm ký kết nhưng giao nhận ở tương lai. Giao dịch được thực hiện trực tiếp, cho phép linh hoạt điều khoản nhưng tiềm ẩn rủi ro tín dụng đối tác.

Hợp đồng tương lai là dạng chuẩn hóa của hợp đồng kỳ hạn, được niêm yết và giao dịch trên sở giao dịch. Các điều khoản như khối lượng, chất lượng, thời điểm giao dịch... đều được chuẩn hóa, và việc thực hiện được bảo đảm bởi trung tâm bù trừ, qua đó giảm rủi ro đối tác so với hợp đồng kỳ hạn.

Hợp đồng quyền chọn. Quyền chọn trao cho người mua quyền (không phải nghĩa vụ) mua hoặc bán tài sản cơ sở tại mức giá xác định trong một thời gian hoặc thời điểm nhất định. Người mua quyền chọn phải trả phí để sở hữu quyền này. Tại ngày đáo hạn, tùy diễn biến thị trường, người mua có thể thực hiện hoặc từ bỏ quyền. Công cụ này được sử dụng rộng rãi trong phòng ngừa rủi ro và đầu tư.

Hợp đồng hoán đổi là thỏa thuận trao đổi các dòng tiền hoặc nghĩa vụ tài chính trong khoảng thời gian xác định. Các dạng phổ biến gồm hoán đổi lãi suất, tiền tệ và hàng hóa. Hợp đồng hoán đổi chủ yếu giao dịch trên thị trường phi tập trung nên rủi ro tín dụng đối tác cao hơn do không có trung gian bảo đảm.

Khung pháp lý tại Việt Nam. Nghị định 42/2015/NĐ-CP là văn bản nền tảng điều chỉnh chứng khoán phái sinh và thị trường phái sinh giao dịch tập trung. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh mới

dừng ở chứng khoán phái sinh và chưa bao quát đầy đủ các công cụ tài chính phái sinh theo thông lệ quốc tế như IAS 32, IAS 39 hay IFRS 9. Điều này cho thấy hệ thống pháp lý trong nước vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng.

3.1.2. Chuẩn mực kế toán quốc tế và các văn bản hướng dẫn của Việt Nam liên quan đến kế toán công cụ tài chính phái sinh

Công cụ tài chính phái sinh, với tư cách là một bộ phận của công cụ tài chính, phải được ghi nhận, đo lường, trình bày và thuyết minh theo các nguyên tắc kế toán chung áp dụng đối với công cụ tài chính. Vì vậy, việc nghiên cứu kế toán công cụ phái sinh cần dựa trên hệ thống chuẩn mực quốc tế hiện hành, bao gồm: IAS 32 - Trình bày công cụ tài chính; IAS 39 - Ghi nhận và đo lường; IFRS 7 - Thuyết minh; và IFRS 9 - Công cụ tài chính (có hiệu lực từ năm 2018, thay thế IAS 39). Các chuẩn mực này tạo thành một khuôn khổ toàn diện về phân loại, đo lường, ghi nhận và công bố thông tin liên quan đến công cụ tài chính nói chung và công cụ phái sinh nói riêng.

Tại Việt Nam, Thông tư 210/2009/TT-BTC là văn bản đầu tiên tiếp cận chuẩn mực quốc tế trong việc trình bày và thuyết minh công cụ tài chính. Tuy vậy, thông tư mới chỉ kế thừa các yêu cầu của IAS 32 và IFRS 7; các nội dung về ghi nhận, đo lường và kế toán phòng ngừa rủi ro theo IAS 39 và IFRS 9 vẫn chưa được hướng dẫn đầy đủ, tạo ra khoảng cách đáng kể giữa thông lệ quốc tế và thực tiễn kế toán trong nước.

Theo thông lệ quốc tế, kế toán công cụ tài chính phái sinh được xem xét theo năm nội dung chính: (i) phân loại; (ii) ghi nhận và dừng ghi nhận; (iii) đo lường; (iv) trình bày; và (v) thuyết minh thông tin.

Phân loại công cụ tài chính phái sinh

Theo IAS 39/IFRS 9, công cụ phái sinh được phân loại theo nhiều tiêu chí:

(1) Theo cơ chế thực hiện hợp đồng: gồm bốn loại cơ bản - hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn và hợp đồng hoán đổi.

(2) Theo biến số cơ sở: bao gồm phái sinh ngoại tệ, phái sinh vàng, phái sinh hàng hóa, phái sinh tiền tệ, phái sinh lãi suất, phái sinh tín dụng, phái sinh chứng khoán…

(3) Theo tính độc lập của hợp đồng: gồm công cụ phái sinh độc lập và công cụ phái sinh gắn kèm (embedded derivatives).

(4) Theo mức độ phức tạp: gồm công cụ phái sinh nền tảng và công cụ phái sinh hiện đại (sự kết hợp nhiều công cụ như quyền chọn tương lai trái phiếu…).

(5) Theo quyền và nghĩa vụ của chủ thể nắm giữ: gồm tài sản tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính phái sinh.

Đối với tài sản tài chính phái sinh, IFRS 9 quy định hai nhóm đo lường:

- Nguyên giá phân bổ: áp dụng nếu đáp ứng hai điều kiện: (i) mục tiêu nắm giữ nhằm thu luồng tiền hợp đồng; (ii) dòng tiền chỉ bao gồm tiền gốc và lãi.

- Giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL): áp dụng cho hầu hết tài sản tài chính phái sinh còn lại.

Đối với nợ phải trả tài chính phái sinh, IFRS 9 yêu cầu luôn đo lường theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ, kể từ lúc ghi nhận ban đầu đến khi lập báo cáo.

Với công cụ phái sinh gắn kèm:

- Nếu gắn với quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu, giá trị phái sinh được phân loại là vốn chủ sở hữu.

- Nếu không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như quyền chọn bán), giá trị phái sinh gắn kèm được phân loại là nợ phải trả.

Hiện Việt Nam chưa có quy định tương ứng cho nội dung này.

Ghi nhận và dừng ghi nhận công cụ tài chính phái sinh

Ghi nhận ban đầu: Theo IFRS 9, doanh nghiệp ghi nhận tài sản hoặc nợ phải trả phái sinh khi trở thành một bên của hợp đồng. Công cụ phái sinh phải được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm ban đầu. Quy định này hiện vẫn chưa được đề cập đầy đủ trong hệ thống kế toán Việt Nam.

Sau ghi nhận ban đầu: Doanh nghiệp phải định kỳ xác định lại giá trị hợp lý của công cụ phái sinh và ghi nhận lãi/lỗ phát sinh vào báo cáo kết quả kinh doanh. Đây là yêu cầu bắt buộc đối với toàn bộ công cụ phái sinh theo IFRS 9 nhưng chưa được hướng dẫn trong các văn bản kế toán Việt Nam.

Dừng ghi nhận: Tài sản tài chính phái sinh được dừng ghi nhận khi quyền đối với dòng tiền chấm dứt hoặc được chuyển giao và thỏa mãn điều kiện dừng ghi nhận. Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Đo lường công cụ tài chính phái sinh

- Đo lường là khâu trọng yếu, bởi giá trị của công cụ phái sinh biến động liên tục theo lãi suất, tỷ giá, giá hàng hóa hay giá chứng khoán.

- Đo lường ban đầu: IFRS 9 yêu cầu ghi nhận công cụ phái sinh theo giá trị hợp lý, thường là giá giao dịch tại ngày ký kết hợp đồng.

- Đo lường sau ghi nhận: Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại công cụ phái sinh theo giá trị hợp lý nhằm phản ánh kịp thời biến động thị trường và hỗ trợ người sử dụng báo cáo tài chính đánh giá rủi ro tài chính của đơn vị.

Xử lý chênh lệch giá trị hợp lý: Phần lớn chênh lệch giá trị hợp lý được ghi nhận vào lãi/lỗ. Ngoại lệ áp dụng cho:

- Công cụ phòng ngừa rủi ro đủ điều kiện: ghi nhận theo nguyên tắc kế toán phòng ngừa rủi ro.

- Đầu tư vào vốn chủ sở hữu lựa chọn ghi nhận qua thu nhập khác: chênh lệch được đưa vào thu nhập toàn diện khác, không ảnh hưởng ngay đến lãi/lỗ.

Trong khi đó, tại Việt Nam, các quy định về đo lường giá trị hợp lý và xử lý chênh lệch của công cụ phái sinh vẫn còn bỏ ngỏ, gây vướng mắc cho doanh nghiệp trong thực tiễn áp dụng.

Trình bày và thuyết minh công cụ tài chính phái sinh

Trình bày trên báo cáo tài chính: Khi phát hành hoặc nắm giữ công cụ phái sinh, doanh nghiệp phải phân loại đúng bản chất hợp đồng để trình bày thành tài sản tài chính phái sinh, nợ phải trả phái sinh hoặc công cụ vốn chủ sở hữu. IAS 32 yêu cầu tuân thủ nguyên tắc "bản chất quan trọng hơn hình thức" khi phân loại và trình bày.

Thuyết minh thông tin: Doanh nghiệp phải cung cấp thông tin giúp người sử dụng báo cáo tài chính đánh giá:

(1) Tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả kinh doanh, bao gồm quy mô, đặc điểm, giá trị và mức độ ảnh hưởng của công cụ phái sinh.

(2) Bản chất và phạm vi rủi ro phát sinh, như rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản; đồng thời giải thích phương pháp và chính sách quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

Theo IFRS 7, thuyết minh thông tin là phần không thể thiếu nhằm đảm bảo minh bạch, giúp người đọc hiểu rõ sự biến động của giá trị công cụ phái sinh và tác động của chúng đến bức tranh tài chính của doanh nghiệp.

3.2. Vận dụng IFRS trong kế toán công cụ tài chính phái sinh tại Việt Nam - cơ hội và thách thức

Tại Việt Nam, các quy định liên quan đến công cụ tài chính phái sinh trong Thông tư 210/2009/TT-BTC còn thiếu tính cập nhật và chưa đầy đủ, khiến việc nhận diện và áp dụng kế toán các công cụ này gặp nhiều khó khăn. Điều đó phản ánh tính phức tạp vốn có của công cụ tài chính nói chung và công cụ phái sinh nói riêng, đòi hỏi một nền tảng pháp lý chặt chẽ và tiệm cận thông lệ quốc tế.

Theo Yagoubi (2014), kế toán công cụ phái sinh giữ vai trò quan trọng trên nhiều phương diện: Về kinh tế, kế toán hỗ trợ dòng vốn vận hành hiệu quả, giúp đo lường và xác định giá trị hàng hóa - dịch vụ.

Về thể chế, kế toán là công cụ pháp lý giúp kiểm soát hoạt động kinh tế, nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin trên báo cáo tài chính. Về xã hội, kế toán đóng góp vào sự phát triển bền vững thông qua việc cải thiện chất lượng thông tin, tạo ra giá trị xã hội rộng lớn.

Chính vì vậy, kế toán công cụ tài chính phái sinh không chỉ là kỹ thuật ghi chép mà còn là phương tiện quản trị, giúp doanh nghiệp đo lường, trình bày và công bố thông tin tài chính minh bạch. Để giảm thiểu rủi ro và hội nhập với chuẩn mực quốc tế, Việt Nam cần hoàn thiện các nội dung từ phân loại, ghi nhận ban đầu, dừng ghi nhận, đo lường, trình bày - công bố thông tin đến hệ thống tài khoản kế toán.

3.2.1. Cơ hội khi áp dụng IFRS về công cụ tài chính tại Việt Nam

Trong bối cảnh các tổ chức tín dụng vẫn chủ yếu áp dụng VAS, IFRS mở ra nhiều cơ hội lớn.

Thứ nhất, IFRS giúp doanh nghiệp tiếp cận và khai thác hiệu quả các công cụ tài chính hiện đại - từ cổ phiếu, trái phiếu, quỹ đầu tư đến tín dụng chứng khoán và phái sinh. Những công cụ này không chỉ hỗ trợ tăng thu nhập mà còn nâng cao năng lực tài chính và khả năng phòng vệ rủi ro.

Thứ hai, IFRS giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí thông qua các hình thức huy động vốn như cho vay, phát hành trái phiếu, đồng thời nâng cao chất lượng quản trị rủi ro khi áp dụng các điều kiện tài chính chặt chẽ và minh bạch hơn.

Tuy vậy, IFRS cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải am hiểu sâu hơn về bản chất của các công cụ như quyền chọn, hợp đồng kỳ hạn hay hoán đổi - những nghiệp vụ phức tạp, cần kiến thức chuyên môn vững vàng để quản lý và hạch toán.

3.2.2. Thách thức khi áp dụng IFRS về công cụ tài chính tại Việt Nam

Một là, báo cáo tài chính lập theo VAS chưa phản ánh đầy đủ tình hình tài chính, đặc biệt khi doanh nghiệp tiếp cận vốn nước ngoài. Chi phí chuyển đổi từ VAS sang IFRS trở thành gánh nặng, cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa hai hệ thống.

Hai là, VAS chủ yếu sử dụng giá gốc, trong khi IFRS yêu cầu đo lường theo giá trị hợp lý - yếu tố then chốt đối với các tổ chức tín dụng vốn nắm giữ nhiều công cụ tài chính biến động theo thị trường. Việc thiếu quy định về đánh giá lại tài sản, nợ phải trả làm giảm độ tin cậy của báo cáo tài chính.

Ba là, các chuẩn mực hiện hành còn chung chung, chưa phù hợp với đặc thù từng loại hình doanh nghiệp. Sự thiếu thống nhất giữa chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán ngành khiến doanh nghiệp lúng túng trong thực thi.

Khoảng cách giữa VAS và IFRS, đặc biệt là IFRS 9 - chuẩn mực cốt lõi về công cụ tài chính - vẫn còn rộng. Vì vậy, việc nhận diện khác biệt và đề xuất giải pháp phù hợp là điều thiết yếu cho tiến trình hội nhập.

4. Kết luận và các giải pháp

Trong nhịp chuyển mình mạnh mẽ của kinh tế toàn cầu, việc áp dụng IFRS nói chung và kế toán công cụ tài chính phái sinh nói riêng đã trở thành yêu cầu tất yếu để nâng cao tính minh bạch và chất lượng báo cáo tài chính. Quá trình này đòi hỏi sự đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và các tổ chức nghề nghiệp. Bộ Tài chính cần đóng vai trò trụ cột trong việc xây dựng hành lang pháp lý và lộ trình áp dụng IFRS.

Thứ nhất - Hoàn thiện hệ thống pháp lý về kế toán công cụ phái sinh

Hiện các quy định pháp lý liên quan còn thiếu đồng bộ, chưa cụ thể về ghi nhận, đánh giá, trình bày và công bố thông tin. Nguyên tắc giá gốc vẫn chi phối mạnh, trong khi Việt Nam chưa có chuẩn mực tương thích với IAS 32, IFRS 7, IFRS 9, IFRS 13. Việc hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp thực hiện kế toán phái sinh một cách hệ thống và chuẩn xác.

Thứ hai - Nâng cao nhận thức của nhà quản trị

Nhà quản trị là người cầm lái đưa kế toán công cụ phái sinh vào thực tiễn doanh nghiệp. Khi họ nhận thức rõ vai trò của phái sinh trong phòng vệ rủi ro, xem việc áp dụng kế toán phái sinh như mục tiêu chiến lược, quá trình triển khai sẽ diễn ra thuận lợi. Hiện nay, nhiều nhà quản trị vẫn xem trọng kế toán tài chính truyền thống hơn là kế toán phái sinh, dẫn đến khoảng trống trong quản trị rủi ro.

Thứ ba - Nâng cao năng lực đội ngũ kế toán

Kế toán công cụ phái sinh đòi hỏi trình độ chuyên môn cao. Tuy nhiên, nguồn nhân lực kế toán ở Việt Nam chưa được đào tạo sâu về lĩnh vực này. Doanh nghiệp cần chú trọng bồi dưỡng nhân sự, khai thác các chương trình đào tạo từ sơ cấp đến nâng cao, cũng như các chứng chỉ quốc tế để tạo nền tảng triển khai IFRS và kế toán phái sinh hiệu quả.

Thứ tư - Tăng cường vai trò của các tổ chức nghề nghiệp

Hiện các hiệp hội kế toán - kiểm toán vẫn chưa giữ vai trò chủ đạo trong soạn thảo chuẩn mực. Trong giai đoạn tới, cần phát huy hơn nữa vai trò của họ thông qua đào tạo, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm và truyền thông về lợi ích của kế toán phái sinh. Đây là cầu nối quan trọng giữa doanh nghiệp và hệ thống chuẩn mực quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

FASB, Hệ thống chuẩn mực kế toán tài chính (ASC)
IASB, Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 32, IFRS 7, IFRS 9, IFRS 13 ...
Quốc hội (2015), Luật Kế toán 88/2015/QH13, ban hành ngày 20/11/2015.
Bộ Tài chính (2002), Chuẩn mực kế toán Việt Nam
Các tài liệu tham khảo khác.